

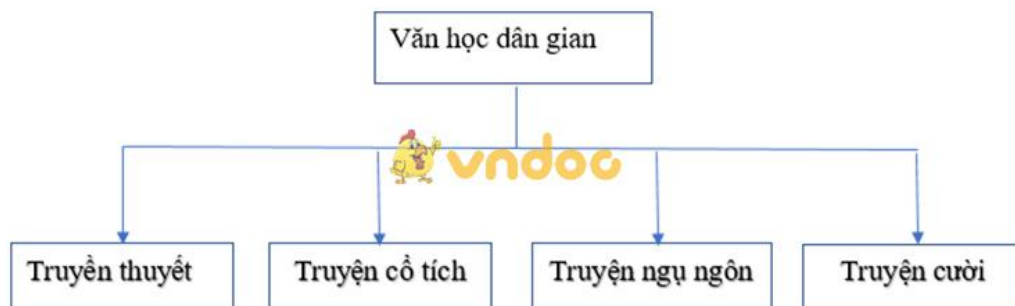
Soạn Văn: Ôn tập và kiểm tra phần Tiếng Việt

Từ vựng

1. Lí thuyết

2. Thực hành

a. Sơ đồ:



- Truyện thuyết: Truyện dân gian về các nhân vật và sự kiện xa xưa, có nhiều yếu tố thần kì.

- Truyện cổ tích: Truyện dân gian kể về cuộc đời, số phận một số nhân vật quen thuộc, có nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo.

- Truyện ngụ ngôn: Truyện dân gian mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió chuyện con người trong xã hội.

- Truyện cười: Truyện dân gian dùng hình thức gây cười để mua vui, phê phán, đả kích thói hư tật xấu.

→ Trong những câu giải thích có từ chung là “truyện dân gian”.

b. Ví dụ về biện pháp nói quá hoặc nói giảm nói tránh trong ca dao:

- Nói quá: “*Lỗ mũi mười tám gánh lông / Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho*”

- Nói giảm nói tránh:

Tiếc thay hạt gạo tám xoan

Thối nôi đồng điều lại chan nước cà.

c.

– Câu có dùng từ tượng hình: *Áo dài Việt Nam duyên dáng, thướt tha.*

- Câu có dùng từ tượng thanh: *Những máy móc bên công trường cứ ầm ầm trút đá.*

Ngữ pháp

1. Lí thuyết

2. Thực hành

a.

– Câu có dùng trợ từ và tình thái từ:

“Ôi, ngay đến thầy cũng hất hủi con!”

- Câu có dùng trợ từ và tình thái từ:

“Chính mẹ là người đã ngăn cản không cho con đi học u”

b. Câu ghép trong đoạn trích: *“Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị”*

Có thể tách các vế của câu ghép thành các câu đơn. Nhưng khi tách thành các câu đơn thì sự liên tục của sự kiện không được thể hiện rõ ràng bằng khi gộp lại.

c. Câu ghép trong đoạn trích là câu thứ nhất và câu thứ ba. Các vế câu được nối với nhau bằng quan hệ từ (cũng như, bởi vì).